

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày 26 – 8 – 2024
V/v Tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út
2. Bà Khru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Tú Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, khóm B, phường M, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1995; địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C, đường D, khóm K, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; nơi ở hiện nay: Số F, khóm N, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Lâm Tú N1, sinh năm 1991; địa chỉ: Số F, khóm N, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(ông Nguyễn Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Minh N, bà Lâm Tú N1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Tú Q trình bày:*

Bà Trần Tú Q và ông Nguyễn Minh N là chỗ bạn bè quen biết trước đó nên ông Nguyễn Minh N có thường hỏi vay bà Q. Vào ngày 11/02/2023, ông N có vay của bà Q số tiền 2.110.000.000 đồng, sau đó để làm tin hai bên làm 02 (Hai) biên đề ngày 11/02/2023, mục đích vay tiền để sử dụng chung cho công việc kinh doanh gia đình ông N và vợ là bà Lâm Tú N1, lãi suất vay cụ thể làm tròn là 1,66%/tháng, ông N đã ký tên và lấn tay điếm chỉ xác nhận tại phần người mượn tiền của biên nhận. Đến nay hết thời gian hẹn nhưng ông N không thanh toán gốc, lãi. Bà Q đã nhiều lần yêu cầu ông N trả tiền lãi và tiền nợ gốc nhưng ông N viện dẫn nhiều lý do chậm trả cho đến nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh N và vợ là bà Lâm Tú N1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay tổng cộng là 2.577.947.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 2.110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/02/2023 đến ngày 22/3/2024 là 467.947.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 phải chịu tiền lãi tiếp tục kể từ ngày 23/3/2024 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

** Tại các lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:*

Ông N thừa nhận có vay tiền của bà Tú Q và thống nhất chữ ký và dấu vân tay trong 02 biên nhận ngày 11/02/2023 là của ông N, Biên nhận ngày 11/02/2023, số tiền 1.460.000.000 đồng là do ông N tự viết, riêng 02 dòng chữ “06 tháng kể từ ngày vay” và “gồm gốc và lãi suất 1,66%/tháng” không phải là chữ viết của ông N. Biên nhận cùng ngày 11/02/2023, số tiền vay 650.000.000 đồng, ông N chỉ viết tên và địa chỉ, chữ viết và số tiền ông N không viết. Ông N xác định hai biên nhận trên do ông N ký, viết tên, lấn tay cùng ngày và đưa bản gốc cho bà Q, ông N không giữ bản nào.

Nay ông N thống nhất trả cho bà Q 950.000.000 đồng và đồng ý trả lãi từ tháng 09/2022 đến khi trả xong các khoản tiền theo lãi suất nhà nước quy định

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà Lâm Tú N1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Minh N.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh N, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan bà Lâm Tú N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định. Vì vậy về tố tụng Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Về việc giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy rằng giữa Bà Q và ông N có xảy ra giao dịch vay tiền trên thực tế. Do đó có căn

cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh N có trách nhiệm trả cho bà Trần Tú Q số tiền 2.110.000.000 đồng và lãi tiền lãi tính từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc bà Lâm Tú N1 cùng có trách nhiệm trả số tiền 2.110.000.000 đồng thì nhận thấy rằng các khoản nợ này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là khoản nợ chung của gia đình vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Q buộc bà Lâm Tú N1 cùng có trách nhiệm trả cho Bà Q số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1]Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 2.110.000.000 đồng, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Minh N có nơi cư trú tại số F, khóm N, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Đại diện ủy quyền nguyên đơn là ông Nguyễn Chí T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Minh N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Tú N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]Về nội dung vụ án:

Tại đơn khởi kiện bà Trần Tú Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ vay tổng cộng là 2.577.947.000 đồng, trong đó tiền vay gốc là 2.110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/02/2023 đến ngày 22/3/2024 là 467.947.000 đồng. Đồng thời, ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 còn phải chịu tiền lãi tiếp tục kể từ ngày 23/3/2024 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Xét yêu cầu của bà Q thấy rằng, giao dịch này giữa bà Q và ông N có xảy ra trên thực tế và ông N thừa nhận chữ viết, chữ ký và dấu vân tay trong biên nhận là của ông N là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Tuy ông N chỉ thống nhất trả số tiền 950.000.000 đồng nhưng hai biên nhận nợ tổng là 2.110.000.000 đồng, ông N thừa nhận chữ ký và dấu vân tay ông N, ông N không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông N phải trả cho Bà Q số tiền vay là 2.110.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tú Q yêu cầu bà Lâm Tú N1 có trách nhiệm trả nợ chung với ông Nguyễn Minh N: Bà Lâm Tú N1 trong quá trình

tham gia tố tụng cũng thống nhất với các ý kiến của ông Nguyễn Minh N. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27, Điều 29, Điều 30 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện....*” Việc ông Nguyễn Minh N ký và lấn tay vào biên nhận vay tiền phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014, do đó đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên buộc bà Lâm Tú N1 có nghĩa vụ trả nợ vay chung với ông Nguyễn Minh N cho bà Trần Tú Q.

Về lãi: Nguyên đơn Bà Tú Q yêu cầu ông N và bà N1 trả cho Bà Q số tiền nợ vay gốc là 2.110.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Hội đồng xét xử xét căn cứ vào Điều 357 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì yêu cầu tính lãi của đại diện nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật; lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1,66%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Kể từ ngày 11/02/2023 đến ngày xét xử vụ án 26/8/2024 là 18 tháng 15 ngày với số tiền lãi là 2.110.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 18 tháng 15 ngày = **647.981.000** đồng.

Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về án phí:

Ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Tú Q số tiền nợ vay **2.757.981.000** đồng nên buộc ông N và bà N1 cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: **72.000.000 đồng + 2% (2.757.981.000 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 87.159.620 đồng.**

Bà Trần Tú Q không phải chịu án phí, bà Q đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền **41.779.500** đồng theo biên lai thu tiền số **0002622 ngày 02/5/2024** tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bạc Liêu được đối hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 357; 463; 465; 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 29, Điều 30 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tú Q đối với ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1.

2. Buộc ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trần Tú Q số tiền **2.757.981.000 đồng**, trong đó nợ gốc là 2.110.000.000 đồng, nợ lãi là **647.981.000 đồng**.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Minh N và bà Lâm Tú N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **87.159.620 đồng**.

Bà Trần Tú Q không phải nộp án phí, bà Q đã nộp số tiền tạm ứng án phí là **41.779.500 đồng** theo biên lai thu tiền số **0002622 ngày 02/5/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Lâm Thị Tuyết Anh